

Số: 34/2012/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-BKH ngày 18/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 08/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu kế đầu tư và xây dựng năm 2012;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4291/TTr-UBND ngày 16/6/2012 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 06 tháng đầu năm 2012, điều chỉnh kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012 và Tờ trình số 4816/TTr-UBND ngày 03/7/2012 của UBND tỉnh về việc bổ sung dự toán thu ngân sách cấp tỉnh - Dự toán chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2012 từ nguồn tạm ứng vốn Kho bạc nhà nước, báo cáo bổ sung tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 06 tháng đầu năm 2012, điều chỉnh kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại tổ và kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với đánh giá của UBND tỉnh về kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 06 tháng đầu năm 2012; nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư và

xây dựng năm 2012 theo Tờ trình số 4291/TTr-UBND ngày 16/6/2012 và Tờ trình số 4816/TTr-UBND ngày 03/7/2012 của UBND tỉnh trình tại kỳ họp (có các Tờ trình của UBND tỉnh kèm theo), cụ thể như sau:

1. Thống nhất đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 6 tháng đầu năm 2012.

2. Thống nhất nội dung kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012 sau điều chỉnh, bổ sung là 3.530,324 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung: 1.950 tỷ đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 832,886 tỷ đồng.
- Nguồn vốn khai thác quỹ đất: 140 tỷ đồng.
- Nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ: 58,1 tỷ đồng.
- Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2012: 70 tỷ đồng.
- Nguồn vốn chuyển nguồn đầu tư và xây dựng năm 2011 bổ sung nguồn vốn cấp sau quyết toán của năm 2012: 17,684 tỷ đồng.
- Nguồn vốn tạm ứng Kho bạc Nhà nước năm 2012: 300 tỷ đồng.
- Nguồn vốn thường vượt thu ngân sách năm 2011: 154,654 tỷ đồng (gồm phần ngân sách tỉnh được hưởng 113,681 tỷ đồng, phần ngân sách huyện được hưởng 40,973 tỷ đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm)

Nguồn thường vượt dự toán ngân sách, phần ngân sách tỉnh được hưởng sẽ phân bổ sau khi có thông báo của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ vốn các dự án đã có chủ trương hỗ trợ của UBND tỉnh: 10 tỷ đồng từ nguồn thường vượt thu của tỉnh.

- Phần còn lại của nguồn vốn thường vượt thu phân tỉnh được hưởng: 103,681 tỷ đồng sẽ phân bổ vốn hỗ trợ cho các địa phương để đầu tư.

Phần vốn ngân sách huyện được bổ sung từ nguồn thường vượt thu ngân sách tỉnh và phần thường vượt thu ngân sách huyện được hưởng thực hiện đầu tư theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Bố trí cho các dự án thuộc Đề án kiên cố hóa trường học, lớp học và nhà công vụ của giáo viên giai đoạn 2008 - 2012.

+ Sau khi bố trí hết cho mục tiêu nêu trên nếu còn thì ưu tiên bố trí cho các dự án giáo dục khác đã có trong kế hoạch giao đầu năm 2012 của UBND cấp huyện nhưng chưa bố trí đủ vốn.

Trên cơ sở nguồn vốn do UBND tỉnh phân bổ, UBND cấp huyện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp để thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012 đúng theo mục tiêu, định hướng ưu tiên nói trên.

(Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm)

3. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012 do UBND tỉnh trình tại kỳ họp, trong tổ chức thực hiện UBND tỉnh cần tập trung một số giải pháp sau:

- Rà soát, phân tích nguyên nhân vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để có giải pháp cụ thể giải quyết dứt điểm.

- Tiếp tục xây dựng các biện pháp tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư để đảm bảo nhu cầu vốn đầu tư của các dự án trên địa bàn.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai các giải pháp để thực hiện Nghị quyết này đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2012 và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm 2012. Trong quá trình thực hiện, giữa 2 kỳ họp khi cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thống nhất trước khi quyết định điều chỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.


Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khoá VIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Văn phòng tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh (để đăng công báo);
- Báo Đồng Nai, Báo LĐLĐ, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Tư

Phụ lục I

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2012
(Kèm theo Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012
của HĐND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Nguồn vốn đầu tư xây dựng năm 2012 | Tổng số | Phần tỉnh giao chỉ tiêu | Phần huyện giao chỉ tiêu |
|--|------------------|-------------------------|--------------------------|
| | 3.530,324 | 2.646,341 | 883,983 |
| 1. Vốn ngân sách tập trung | 1.950,000 | 1.177,000 | 773,000 |
| - Vốn đầu tư và xây dựng | 1.773,000 | 1.000,000 | 773,000 |
| - Vốn hỗ trợ xã hội hóa | 47,000 | 47,000 | |
| - Hoàn trả vốn tạm ứng Kho bạc Nhà nước (tạm ứng năm 2010) | 130,000 | 130,000 | |
| 2. Nguồn vốn XSKT | 832,886 | 832,886 | |
| - Nguồn vốn XSKT 2012 | 600,000 | 600,000 | |
| - Kết dư Nguồn vốn XSKT 2011 bổ sung năm 2012 | 232,886 | 232,886 | |
| 3. Nguồn vốn khai thác quỹ đất đất (Hoàn trả vốn tạm ứng Kho bạc Nhà nước, tạm ứng năm 2010) | 140,000 | 70,000 | 70,000 |
| 4. Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ | 58,100 | 58,100 | |
| 5. Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2012 | 70,000 | 70,000 | |
| 6. Chuyển nguồn đầu tư và xây dựng năm 2011 Bổ sung nguồn vốn cấp sau quyết toán của năm 2012 | 17,684 | 17,684 | |
| 7. Nguồn vốn KH 2012 từ nguồn bổ sung vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2011 | 7,000 | 7,000 | |
| 8. Nguồn vốn tạm ứng ngân sách Trung ương năm 2012 | 300,000 | 300,000 | |
| 9. Nguồn vốn thương vượt thu ngân sách năm 2011 | 154,654 | 113,681 | 40,973 |
| - Hỗ trợ đầu tư hạ tầng | 10,000 | 10,000 | |
| - Hỗ trợ đầu tư chương trình kiên cố hóa giai đoạn 2 và đầu tư hạ tầng trường học (phần tỉnh hỗ trợ cấp huyện) | 103,681 | 103,681 | |
| - Hỗ trợ đầu tư chương trình kiên cố hóa giai đoạn 2 và đầu tư hạ tầng trường học (phần huyện được hưởng) | 40,973 | | 40,973 |

Nguồn thương vượt thu năm 2011 của tỉnh phân bổ vốn cho ngân sách cấp huyện khi có thông báo của Bộ Tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

| | Biên Hòa | Cẩm Mỹ | Định Quán | Nhơn Trạch | Long Khánh | Long Thành | Tân Phú | Thống Nhất | Trảng Bom | Vĩnh Cửu | Xuân Lộc | Tổng số |
|--|----------|--------|-----------|------------|------------|------------|---------|------------|-----------|----------|----------|---------|
| Phần thương vượt thu của tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện | 10.000 | 19.000 | 19.000 | 7.800 | 3.800 | 1.000 | 19.000 | 10.681 | 2.200 | 5.000 | 6.200 | 103.681 |

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ XỔ SỔ KIẾN THIẾT DO UBND TỈNH TRỰC TIẾP GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH (Kèm theo Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

1. Nguồn vốn ngân sách tập trung: tổng số 1.000 tỷ đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Danh mục | Kế hoạch đã giao | Kế hoạch điều chỉnh |
|---------------------------------|------------------|---------------------|
| Tổng số | 1.000.000 | 1.000.000 |
| 1. Thực hiện dự án | 915.000 | 931.065 |
| - Giao thông | 379.000 | 386.527 |
| - Giáo dục – đào tạo | 197.000 | 203.612 |
| - Y tế | 14.000 | 14.000 |
| - Văn hóa – Xã hội | 40.000 | 40.400 |
| - Quản lý nhà nước | 25.000 | 24.175 |
| - Cấp nước | 35.000 | 28.500 |
| - Hạ tầng công cộng | 51.000 | 57.163 |
| - Nông lâm - Thủy lợi | 53.000 | 55.688 |
| - An ninh quốc phòng | 42.000 | 42.000 |
| - Khoa học công nghệ | 79.000 | 79.000 |
| 2. Chuẩn bị đầu tư | 65.000 | 48.935 |
| 3. Cấp các dự án sau quyết toán | 20.000 | 20.000 |

2. Nguồn vốn xổ số kiến thiết: tổng số 832,886 tỷ đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Danh mục | Kế hoạch đã giao | Kế hoạch điều chỉnh |
|-----------------------|------------------|---------------------|
| Tổng số | 832.886 | 832.886 |
| 1. Thực hiện dự án | 824.386 | 830.550 |
| - Y tế | 585.951 | 579.482 |
| - Giáo dục và Đào tạo | 80.000 | 80.000 |
| - Văn hoá – xã hội | 158.435 | 171.068 |
| 2. Chuẩn bị đầu tư | 8.500 | 2.336 |

Phụ lục III

**PHÂN BỐ VỐN CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN TỪ NGUỒN
THƯỜNG VƯỢT THU NĂM 2011**

*(Kèm theo Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012
của HĐND tỉnh Đồng Nai)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

| | Biên Hòa | Cẩm Mỹ | Định Quán | Nhon Trạch | Long Khánh | Long Thành | Tân Phú | Thống Nhất | Trảng Bom | Vĩnh Cửu | Xuân Lộc | Tổng số |
|---------------------------------------|----------|--------|-----------|------------|------------|------------|---------|------------|-----------|----------|----------|---------|
| Phần thường vượt thu huyện được hưởng | 23.869 | 172 | 330 | | 1.528 | 3.683 | 296 | 1.685 | 1.812 | | 7.598 | 40.973 |

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 4291/TTTr-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 6 năm 2012 998 B

TỜ TRÌNH

| | |
|-----|-----------|
| CHỖ | CHỖ |
| ĐẾN | 22/6/2012 |

Về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 6 tháng đầu năm 2012; điều chỉnh kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012.

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-BKH ngày 18/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 08/12/2011 về giao chỉ tiêu kế đầu tư và xây dựng năm 2012; ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh tại văn bản số 48/HĐND-VP ngày 27/2/2012; văn bản số 203/HĐND-VP ngày 31/5/2012 về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012;

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 6 tháng đầu năm 2012,

Sau khi tổng hợp, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 6 tháng đầu năm 2012, nội dung điều chỉnh kế hoạch năm 2012 như sau:

I. Tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2012:

1. Nội dung đã giao chỉ tiêu kế hoạch đầu năm và giao bổ sung trong 6 tháng đầu năm 2012:

Tổng vốn đầu tư và xây dựng là 3.075,67 tỷ đồng (bao gồm cả vốn Trái phiếu Chính phủ và vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương), trong đó:

1.1 Vốn đầu tư do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch và hỗ trợ năm 2012 là 2.232,67 tỷ đồng, trong đó trả nợ vốn tạm ứng ngân sách Trung ương năm 2010 là 200 tỷ đồng (từ nguồn vốn ngân sách tập trung và nguồn vốn khai thác quỹ đất phần ngân sách tỉnh giao chỉ tiêu), còn lại 2.032,67 tỷ đồng được triển khai thực hiện trong năm 2012.

1.2 Vốn đầu tư do UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa trực tiếp giao chỉ tiêu năm 2012 là 843 tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 773 tỷ đồng. Trong đó cơ cấu tối thiểu cho ngành giáo dục và đào tạo là 295 tỷ đồng.

- Nguồn vốn khai thác quỹ đất giao đầu năm 2012 là 70 tỷ đồng.

Căn cứ kế hoạch phân bổ đầu năm của UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa thì kế hoạch năm 2012 đã cân đối cho các dự án thuộc ngành giáo dục và đào tạo là 344,619 tỷ đồng (trong đó bố trí đối với các dự án thuộc chương trình kiên cố hóa trường học và lớp học giai đoạn 2 là 107,462 tỷ đồng) và đầu tư các dự án thuộc chương trình hạ tầng nông thôn mới là 305,184 tỷ đồng.

2. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm:

2.1 Kế hoạch đầu tư và xây dựng do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu: vốn kế hoạch đã giao để thực hiện năm 2012 là 2.032,67 tỷ đồng, giải ngân 5 tháng đầu năm là 765 tỷ đồng đạt 38% kế hoạch năm; ước giá trị khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2012 là 998,1 tỷ đồng, đạt 49% kế hoạch; ước 6 tháng giải ngân là 934,1 tỷ đồng, đạt 46% kế hoạch giao đầu năm; cụ thể như sau:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 1.000 tỷ đồng: ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 520 tỷ đồng, giải ngân đạt 500 tỷ đồng

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết thu vượt năm 2011 là 832,886 tỷ đồng: ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 330 tỷ đồng, giải ngân đạt 300 tỷ đồng.

- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2012 là 58,1 tỷ đồng: ước thực hiện và giải ngân 6 tháng đầu năm là 58,1 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm.

- Bổ sung vốn đầu tư từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương năm 2012 cho dự án cầu Hóa An là 70 tỷ đồng: ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 43 tỷ đồng, giải ngân đạt 24 tỷ đồng.

- Nguồn vốn kế hoạch năm 2012 từ nguồn bổ sung vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2011 là 7 tỷ đồng đối với dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư: chưa thực hiện giải ngân do đang tổ chức đấu thầu.

- Nguồn vốn hỗ trợ xã hội hóa là 47 tỷ đồng: đã hỗ trợ 5 tháng đầu năm là 35,859 tỷ đồng đạt 76,3% kế hoạch, hỗ trợ 6 tháng đầu năm 2012 đạt 100% kế hoạch năm.

- Bổ sung nguồn vốn cấp sau quyết toán của năm 2012 là 17,684 tỷ đồng từ các nguồn vốn cấp phát còn thừa của các nguồn vốn đầu tư và xây dựng năm 2011: ước giải ngân 6 tháng đầu năm là 5 tỷ đồng (do mới bổ sung nội dung chuyển nguồn từ đầu tháng 6/2012).

2.2 Kế hoạch đầu tư và xây dựng do UBND cấp huyện trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch theo phân cấp là 843 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2012 là 354 tỷ đồng, đạt 42% kế hoạch; giải ngân ước 6 tháng đạt 320 tỷ đồng, đạt 38% kế hoạch năm.

2.3 Bổ sung nguồn vốn đầu tư và xây dựng trong tháng 6/2012:

- Bổ sung 300 tỷ đồng từ tạm ứng ngân sách nhà nước Trung ương năm 2012 để thực hiện chi bồi thường giải phóng mặt bằng đối với một số dự án để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư các dự án quan trọng của tỉnh Đồng Nai.

- Nguồn vốn thưởng vượt dự toán thu năm 2011: Phần thưởng vượt thu của tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện tổng số là 103,681 tỷ đồng và phần thưởng vượt thu huyện được hưởng tổng số là 40,973 tỷ đồng; thực hiện phân bổ vốn hỗ trợ cho các địa phương để đầu tư theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Bổ trí cho các dự án thuộc đề án kiên cố hóa trường học và lớp học giai đoạn 2.

+ Sau khi bố trí hết cho mục tiêu nêu trên; nếu còn thì ưu tiên bố trí cho các dự án giáo dục khác đã có trong kế hoạch giao đầu năm của UBND cấp huyện nhưng chưa bố trí đủ vốn.

Trên cơ sở nguồn vốn do UBND tỉnh phân bổ, UBND cấp huyện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp để thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012 đúng theo mục tiêu, định hướng do UBND tỉnh chỉ đạo.

Đơn vị tính: triệu đồng.

| | Biên Hòa | Cẩm Mỹ | Định Quán | Nhon Trạch | Long Khánh | Long Thành | Tân Phú | Thống Nhất | Trảng Bom | Vĩnh Cửu | Xuân Lộc |
|--|---------------|---------------|---------------|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|--------------|--------------|---------------|
| Phần thưởng vượt thu của tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện | 10.000 | 19.000 | 19.000 | 7.800 | 3.800 | 1.000 | 19.000 | 10.681 | 2.200 | 5.000 | 6.200 |
| Phần thưởng vượt thu huyện được hưởng | 23.869 | 172 | 330 | | 1.528 | 3.683 | 296 | 1.685 | 1.812 | | 7.598 |
| Tổng cộng | 33.869 | 19.172 | 19.330 | 7.800 | 5.328 | 4.683 | 19.296 | 12.366 | 4.012 | 5.000 | 13.798 |

3. Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm từ ngân sách tỉnh:

- Xây dựng bệnh viện đa khoa Đồng Nai: đang triển khai thi công gói thầu xây lắp các hạng mục chính của dự án và triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thiết bị; khối lượng thực hiện gói thầu xây lắp khối nhà chính từ khởi công đến nay đạt khoảng 170 tỷ đồng, trong đó khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2012 khoảng 94 tỷ đồng, đạt 66% kế hoạch năm, giải ngân vốn kế hoạch năm 2012 đến hết tháng 5/2012 là 65,33 tỷ đồng đạt 54% kế hoạch năm. Dự kiến giải ngân 6 tháng năm 2012 là 70 tỷ đồng, đạt 49% kế hoạch năm.

- Đại tu nâng cấp đường 25A (ĐT769): đã thực hiện hoàn thành đoạn 1, đoạn 2; đang làm hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng các đoạn 3, đoạn 4 và đang triển khai phân xây lắp và di dời đường dây trung thế, hạ thế và chiếu sáng của đoạn 4 (km 23+543 đến km 26+524), giải ngân vốn kế hoạch năm 2012 đến hết tháng 5/2012 là 19,27 tỷ đồng đạt 77% kế hoạch năm. Dự kiến giải ngân 6 tháng đầu năm 2012 là 21 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch năm.

- Đường Xuân Bắc - Suối Cao - Xuân Thành, huyện Xuân Lộc: đang triển khai gói thầu các cầu trên tuyến của dự án, khối lượng thực hiện đạt 17 tỷ đồng, trong đó khối lượng thực hiện của 6 tháng năm 2012 là 13 tỷ đồng, đạt 65% kế hoạch năm, giải ngân vốn kế hoạch năm 2012 đến hết tháng 5/2012 là 8,12 tỷ đồng đạt 40,6% kế hoạch năm. Dự kiến giải ngân 6 tháng đầu năm 2012 là 10 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch năm.

- Dự án cầu Hóa An: lũy kế thực hiện từ khi khởi công đến nay là 135 tỷ đồng, trong đó khối lượng thực hiện 6 tháng năm 2012 đạt 43 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch năm và Tp. Biên Hòa đang lập hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng tại 2 nút giao thông đầu cầu, giải ngân vốn kế hoạch năm 2012 đến hết tháng 5/2012 là 14,7 tỷ đồng đạt 21% kế hoạch năm. Dự kiến giải ngân 6 tháng đầu năm 2012 là 24 tỷ đồng, đạt 34% kế hoạch năm.

- Nâng cấp, mở rộng đường hương lộ 10 đoạn từ trung tâm huyện Cẩm Mỹ đi huyện Long Thành: đang triển khai thi công gói thầu xây lắp dự án, khối lượng từ đầu dự án đến nay đạt khoảng 33 tỷ đồng trong đó khối lượng thực hiện 6 tháng năm 2012 đạt 26 tỷ đồng, đạt 52% kế hoạch năm, giải ngân vốn kế hoạch năm 2012 đến hết tháng 5/2012 là 26,08 tỷ đồng đạt 52% kế hoạch năm. Dự kiến giải ngân 6 tháng đầu năm 2012 là 30 tỷ đồng, đạt 60% kế hoạch năm.

- Dự án xây dựng trường và cải tạo sân thể dục thể thao Trường cao đẳng sư phạm Đồng Nai (nay là trường Đại học Đồng Nai): Dự kiến đến cuối tháng 6/2012 hoàn thành toàn bộ dự án, nghiệm thu đưa vào sử dụng; giải ngân vốn kế hoạch năm 2012 đến hết tháng 5/2012 là 4,49 tỷ đồng đạt 40,8% kế hoạch năm. Dự kiến giải ngân 6 tháng đầu năm 2012 là 8,5 tỷ đồng, đạt 77,3% kế hoạch năm.

- Trường dân tộc nội trú huyện Xuân Lộc: đang triển khai thi công hạng mục xây lắp, khối lượng thực hiện từ khi khởi công là 25 tỷ đồng trong đó khối lượng thực hiện 6 tháng năm 2012 đạt 21 tỷ đồng, đạt 84% kế hoạch năm, giải ngân vốn kế hoạch năm 2012 đến hết tháng 5/2012 là 19,5 tỷ đồng đạt 78% kế hoạch năm. Dự kiến giải ngân 6 tháng đầu năm 2012 là 22 tỷ đồng, đạt 80% kế hoạch năm.

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải 6 bệnh viện trên địa bàn tỉnh: chủ đầu tư đang tổ chức đấu thầu, chưa thực hiện giải ngân kế hoạch năm 2012. Dự kiến giải ngân 6 tháng đầu năm 2012 là 20 tỷ đồng, đạt 29% kế hoạch năm.

- Dự án nạo vét suối Săn Máu (đoạn từ bệnh viện tâm thần Trung ương 2 đến cầu Mương Sao): hiện nay đang triển khai thi công đoạn từ cầu Tân Hiệp đến cầu Đường Sắt, khối lượng thực hiện của 6 tháng năm 2012 khoảng 10 tỷ đồng, đạt 33% kế hoạch năm, UBND thành phố Biên Hòa đang lập hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng các đoạn còn lại, giải ngân vốn kế hoạch năm 2012 đến hết tháng 5/2012 là 23,431 tỷ đồng đạt 78% kế hoạch năm. Dự kiến giải ngân 6 tháng đầu năm 2012 là 25 tỷ đồng, đạt 83% kế hoạch năm.

* Dự án chuẩn bị đầu tư: Dự án đường liên cảng thuộc địa bàn huyện Nhơn Trạch: đang điều chỉnh dự án đầu tư theo lộ giới phù hợp với Quy hoạch điều chỉnh.

4. Đánh giá chung về tình hình thực hiện:

4.1 Những mặt đạt được:

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo việc triển khai kế hoạch đầu tư và xây dựng đã giao.

- Sự phối hợp tốt giữa các ngành, các cấp và các đơn vị chủ đầu tư trong việc triển khai dự án.

- Có tập trung trong việc bố trí kế hoạch vốn đầu tư và xây dựng đối với các ngành, các dự án thuộc mục tiêu đột phá theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm 2012 là giao thông kết nối và giáo dục đào tạo. Bố trí kế hoạch đối với các dự án thuộc ngành giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ đạt và vượt so với cơ cấu của Trung ương giao

- Tỷ lệ giải ngân 6 tháng đầu năm phân vốn tỉnh giao chỉ tiêu đạt khá.

4.2. Tồn tại và khó khăn:

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tuy có tăng so với các năm trước nhưng không đáp ứng yêu cầu, một số dự án chưa được bố trí đủ vốn theo tiến độ hoặc chưa được đưa vào kế hoạch năm 2012.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất 6 tháng đầu năm đạt mức thấp do ảnh hưởng của tình hình khó khăn chung, các doanh nghiệp chưa có vốn để chuyển trả.

- Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ (vốn Trái phiếu Chính phủ) cho các dự án y tế còn thấp.

- Một số dự án phải điều chỉnh lại dự toán theo giá nhân công, máy thi công và vật liệu nên dẫn đến phải điều chỉnh tổng mức đầu tư, điều chỉnh kế hoạch đấu thầu nên ảnh hưởng đến tiến độ đấu thầu. Nhiều dự án khởi công mới trong năm 2012 nhưng đến nay vẫn đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện chậm do hồ sơ theo quy định rất phức tạp, hiện trạng và bản đồ không khớp nhau nên thường phải đo vẽ, hiệu chỉnh lại mất nhiều thời gian. Ngoài ra, còn một số gói thầu xảy ra tình trạng khiếu kiện về việc xử lý, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu.

II. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012:

Nội dung điều chỉnh kế hoạch lần này tập trung rà soát tiến độ triển khai các dự án được giao kế hoạch đầu năm, giảm vốn các dự án chậm tiến độ, chậm giải ngân để bổ sung cho các dự án trong kế hoạch còn thiếu vốn.

Do nguồn vốn không tăng thêm nên không có nguồn bổ sung theo đề nghị của chủ đầu tư, trước mắt chỉ tập trung xử lý cho các dự án hoàn thành còn thiếu vốn so với dự toán được duyệt, phần trượt giá chưa có nguồn cân đối. Các chủ đầu tư đề nghị bổ sung nhiều dự án khởi công mới chưa có trong kế hoạch đầu năm; Tuy nhiên, thực hiện theo nguyên tắc bố trí vốn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn Ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ và xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2012 và chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 8301/UBND-CNN ngày 23/11/2011; văn bản số 3115/VPCP-KTTH ngày 07/5/2012 của Văn phòng Chính phủ thì chưa đủ điều kiện về nguồn vốn để bổ sung kế hoạch. Do vậy, chỉ đề nghị bổ sung danh mục cho các dự án có tính cấp bách và quy mô nhỏ như sau:

- Các hạng mục còn lại của dự án khu dân cư đường Đồng Khởi, tổng mức vốn đầu tư là 4,262 tỷ đồng, kế hoạch bố trí là 1,5 tỷ đồng.

- Chương trình trồng và chăm sóc rừng năm 2012, tổng dự toán là 2,688 tỷ đồng, kế hoạch bố trí là 2,688 tỷ đồng.

- Hệ thống tiêu thoát nước liên xã Đông Hòa, Trung Hòa, Tây Hòa huyện Trảng Bom (hạng mục tuyến công thoát nước từ Km 0+640 đến km 0+718,5) dự toán phần xây lắp được duyệt là 2,125 tỷ đồng, kế hoạch bố trí là 2,125 tỷ đồng.

- Nâng cấp phần mềm đăng ký cấp phép qua mạng Sở Công Thương, tổng dự toán là 996 triệu đồng, kế hoạch bố trí là 900 triệu đồng.

- Cung cấp tài liệu số trực tuyến và xây dựng kho tư liệu số Thư viện tỉnh Đồng Nai, tổng dự toán là 13,125 tỷ đồng, kế hoạch bố trí là 4,6 tỷ đồng.

- Nâng cấp, mở rộng đường di tích Trung ương cục Miền Nam, tổng dự toán là 3,227 tỷ đồng, kế hoạch bố trí là 1,5 tỷ đồng.

Về nội dung sau điều chỉnh thì Cơ cấu ngành giáo dục đào tạo tăng, khoa học và công nghệ bằng so với cơ cấu Trung ương giao; cơ cấu các ngành thuộc nhiệm vụ đầu tư đột phá theo Nghị quyết của Tỉnh ủy cũng tăng so với kế hoạch giao đầu năm 2012 và không giảm vốn đầu tư của các dự án trọng điểm của tỉnh năm 2012.

Về cơ cấu ngành thay đổi như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách tập trung năm 2012:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Danh mục | Kế hoạch đã giao | Kế hoạch điều chỉnh |
|---------------------------------|------------------|---------------------|
| Tổng số | 1.000.000 | 1.000.000 |
| A. Thực hiện dự án | 915.000 | 931.065 |
| - Giao thông | 379.000 | 386.527 |
| - Giáo dục – đào tạo | 197.000 | 203.612 |
| - Y tế | 14.000 | 14.000 |
| - Văn hóa – Xã hội | 40.000 | 40.400 |
| - Quản lý nhà nước | 25.000 | 24.175 |
| - Cấp nước | 35.000 | 28.500 |
| - Hạ tầng công cộng | 51.000 | 57.163 |
| - Nông lâm - Thủy lợi | 53.000 | 55.688 |
| - An ninh quốc phòng | 42.000 | 42.000 |
| - Khoa học công nghệ | 79.000 | 79.000 |
| B. Chuẩn bị đầu tư | 65.000 | 48.935 |
| D. Cấp các dự án sau quyết toán | 20.000 | 20.000 |

(Chi tiết xem phụ lục 1 đính kèm)

2. Nguồn vốn Xổ số kiến thiết năm 2012:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Danh mục | Kế hoạch đã giao | Kế hoạch điều chỉnh |
|-----------------------|------------------|---------------------|
| Tổng số | 832.886 | 832.886 |
| A. Thực hiện dự án | 824.386 | 830.550 |
| - Y tế | 585.951 | 579.482 |
| - Giáo dục và Đào tạo | 80.000 | 80.000 |
| - Văn hoá – xã hội | 158.435 | 171.068 |
| B. Chuẩn bị đầu tư | 8.500 | 2.336 |

(Chi tiết xem phụ lục 2 đính kèm)

III. Giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2012:

- Tiếp tục chỉ đạo UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà rà soát, điều chỉnh kế hoạch năm 2012 đảm bảo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 về triển khai chỉ thị về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn Ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ và xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2012 và chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 8301/UBND-CNN ngày 23/11/2011 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục huy động các nguồn vốn đầu tư và vận động vốn xã hội hoá từ các cá nhân và tổ chức.

- Các địa phương, các ngành liên quan tiếp tục rà soát, nghiên cứu đề xuất tháo gỡ các vướng mắc đối với công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng.

- Tiếp tục tập trung xây dựng các khu tái định cư để phục vụ di dời các hộ bị giải toả trắng.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư tập trung thực hiện công tác đấu thầu đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Chỉ đạo Các chủ đầu tư tập trung đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch, thực hiện tốt công tác thanh, quyết toán công trình.

- Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tiếp tục rà soát tăng thu tiền sử dụng đất để bổ sung nguồn vốn đầu tư.

- Các sở, ngành cần tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch năm.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác đấu thầu, công tác giám định chất lượng công trình, công tác giám sát đầu tư cộng đồng để góp phần chống thất thoát lãng phí trong đầu tư từ ngân sách.

- Chỉ đạo các đơn vị chủ đầu tư và UBND cấp huyện báo cáo tình hình thực hiện báo cáo thực hiện dự án đầu tư, báo cáo giám sát đánh giá đầu tư đúng thời gian quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2012, trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch để phù hợp tình hình thực tế và đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm, kiến nghị Hội đồng Nhân dân tỉnh cho phép UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét thống nhất để thực hiện, UBND tỉnh có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng Nhân dân tỉnh các thay đổi vào kỳ họp cuối năm 2012.

Trên đây là nội dung Tờ trình về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 6 tháng đầu năm 2012; nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm 2012, UBND tỉnh kính trình Hội đồng Nhân dân tỉnh xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh (CNN,KT);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT.CNN,KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc



Phụ lục

BIÊN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2012 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG

(kèm theo Tờ trình số 4291 /UBND-CNN ngày 15/6/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| STT | Địa điểm xây dựng | Tiến độ thực hiện | Năng lực thiết kế | Kế hoạch 2012 | Điều chỉnh kế hoạch năm 2012 | | | | Chủ đầu tư | |
|----------|---|-------------------|-------------------|---------------|------------------------------|------------------|----------------|------------------|---------------|---|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | | |
| | | | | | | Xây lắp | Thiết bị | Chi khác, BTGPMB | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| | Tổng số | | | | 1.000.000 | 1.000.000 | 830.542 | 76.004 | 93.454 | |
| A | Thực hiện dự án | | | | 915.000 | 931.065 | 810.542 | 76.004 | 44.519 | |
| I | Giao thông | | | | 379.000 | 386.527 | 352.977 | | 33.550 | |
| a | Công trình chuyển tiếp | | | | 322.800 | 333.327 | 302.077 | | 31.250 | |
| 1 | Cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 25A (ĐT769, đoạn từ Bến phà Cát Lái đến ngã 3 Quốc lộ 51- thực hiện xây dựng đoạn đã bồi thường và tiếp tục bồi thường các đoạn còn lại) | NT | 2009-2013 | 29,247 km | 23.000 | 25.530 | 15.530 | | 10.000 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 2 | Nâng cấp, mở rộng đường hương lộ 10 đoạn từ trung tâm huyện Cẩm Mỹ đi huyện Long Thành | CM | 2011-2013 | | 50.000 | 47.400 | 46.400 | | 1.000 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 3 | Đường Hồ Nai 4 - Trại An (xây dựng đoạn đã bồi thường và tiếp tục bồi thường đoạn còn lại) | TB-VC | 2010-2013 | | 16.000 | 22.000 | 17.000 | | 5.000 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 4 | Cầu Phước Lý tại km 3+807.5 trên tỉnh lộ 25A (ĐT 769) | NT | 2011-2012 | | 6.000 | 6.000 | 5.500 | | 500 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 5 | Nâng cấp mở rộng đường 319B đoạn qua Khu công nghiệp Nhơn Trạch | NT | 2009-2012 | | 0 | 2.500 | 2.500 | | | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 6 | Đường Nguyễn Văn Bè - Xuân Định | LK | 2009-2013 | 2,1 km | 13.000 | 13.000 | 3.000 | | 10.000 | UBND thị xã Long Khánh |
| 7 | Đường Cua Heo Bình Lộc | LK | 2011-2014 | | 44.000 | 44.000 | 43.000 | | 1.000 | UBND thị xã Long Khánh |
| 8 | Đường 25C giai đoạn 1, huyện Nhơn Trạch, đoạn từ hương lộ 19 đến đường 319 huyện Nhơn Trạch | NT | 2010-2014 | 11.433 m | 29.000 | 29.000 | 28.500 | | 500 | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 9 | Đường Long Thọ 1 (đoạn nối từ đường 319B đến hương lộ 19), huyện Nhơn Trạch | NT | 2010-2013 | 2.595m | 24.000 | 24.000 | 23.500 | | 500 | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 10 | Đường vào xã Thanh Sơn, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh thanh toán phần chi phí xây lắp, phần còn lại đầu tư từ ngân sách huyện) | ĐQ | 2011-2012 | 13.247 m | 9.000 | 9.000 | 8.500 | | 500 | UBND huyện Định Quán |
| 11 | Đường vào trung tâm xã Ngọc Định, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh thanh toán phần chi phí xây lắp, phần còn lại đầu tư từ ngân sách huyện) | ĐQ | 2011-2012 | 6.188m | 14.000 | 14.666 | 14.166 | | 500 | UBND huyện Định Quán |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|----|--|---------|------------|----------|---------------|---------------|---------------|---|--------------|---|
| 12 | Đường Hưng Lộc - Xã lộ 25 huyện Thống Nhất (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí xây lắp, phần còn lại sử dụng vốn ngân sách huyện) | TB | 2011-2012 | 7156m | 13.500 | 13.500 | 13.500 | | | UBND huyện Thống Nhất |
| 13 | Tuyến đường liên huyện Xuân Định đi Lâm Sơn huyện Cẩm Mỹ | CM | 2011-2013 | | 19.000 | 19.000 | 18.500 | | 500 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 14 | Đường 600A huyện Tân Phú | TP | 2011 -2014 | 17,9 km | 25.000 | 27.000 | 26.500 | | 500 | UBND huyện Tân Phú |
| 15 | Đường Phú Xuân Núi Tượng huyện Tân Phú (ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí xây lắp, phần còn lại thanh toán từ vốn ngân sách huyện) | TP | 2011 -2012 | 145000 m | 10.000 | 8.000 | 7.800 | | 200 | UBND huyện Tân Phú |
| 16 | Đường vào khu công nghiệp huyện Tân Phú | TP | 2010-2012 | 992 m | 1.000 | 1.000 | 950 | | 50 | UBND huyện Tân Phú |
| 17 | Các tuyến đường phía Bắc TT Trảng Bom | TB | 2010-2012 | 3.936 m | 1.300 | 0 | 0 | | | UBND huyện Trảng Bom |
| 18 | Đường Hùng Vương nối dài, huyện Trảng Bom | TB | 2009-2012 | | 0 | 1.300 | 1.300 | | | UBND huyện Trảng Bom |
| 19 | Đường song hành QL 1A huyện Xuân Lộc | XL | 2009-2012 | 2.516m | 5.000 | 6,431 | 6.131 | | 300 | UBND huyện Xuân Lộc |
| 20 | Đường Xuân Bắc Suối Cao Xuân Thành huyện Xuân Lộc (ngân sách tỉnh chi xây lắp phần 04 cầu của dự án và các hạng mục đường, mương cống từ điểm đầu dự án đến km9+000) | XL | 2011 -2013 | | 20.000 | 20.000 | 19.800 | | 200 | UBND huyện Xuân Lộc |
| b | Công trình khôi công mới | | | | 56.200 | 53.200 | 50.900 | | 2.300 | |
| 1 | Sửa chữa nâng cấp đường ĐT 763 đoạn từ Km13+950 đến Km14+300 | XL | 2012 | | 2.800 | 2.800 | 2.500 | | 300 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 2 | Cải tạo ĐT 764 (km 12+887 đến km 14+860) | CM | 2012 -2013 | 2,035 km | 8.500 | 8.500 | 8.300 | | 200 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 3 | Gia cố Rạch Tân Triều trên ĐT 768 | NT | 2012-2013 | | 9.500 | 9.500 | 9.000 | | 500 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 4 | Xây dựng mới cầu Sông Ray trên ĐT 764 | CM | 2012 | | 8.200 | 7.200 | 7.000 | | 200 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 5 | Cầu Long Tân trên TL25A (ĐT 769) | NT | 2012-2013 | | 8.200 | 7.200 | 7.000 | | 200 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 6 | Đường liên xã Suối Nho (Định Quán) đi xã Xuân Thiện (Thống Nhất) | ĐQ - TN | 2012-2013 | | 5.000 | 5.000 | 4.900 | | 100 | UBND huyện Định Quán |
| 7 | Đường D29, D30, D31 khu trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ | CM | 2012-2013 | | 3.000 | 3.000 | 2.900 | | 100 | UBND huyện Cẩm Mỹ |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|-----|---|----|-----------|-----------|---------|---------|---------|--------|-------|---|
| 8 | Đường N6 nối dài khu trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ | CM | 2012-2013 | | 4.000 | 4.000 | 3.500 | | 500 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 9 | Đường Ruộng Tre - Thọ An, thị xã Long Khánh (ngân sách tỉnh chi 50% vốn xây lắp) | LK | 2012-2013 | | 7.000 | 6.000 | 5.800 | | 200 | UBND thị xã Long Khánh |
| | | | | | 197.000 | 203.612 | 188.758 | 10.754 | 4.100 | - |
| II | Giáo dục - đào tạo | | | | 128.500 | 138.300 | 127.046 | 9.754 | 1.500 | - |
| a | Công trình chuyển tiếp | | | | 4.000 | 4.000 | 3.900 | | 100 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 1 | Trung tâm dạy nghề huyện Cẩm Mỹ | CM | 2010-2011 | | 3.500 | 7.500 | 7.400 | | 100 | Trường Cao đẳng y tế Đồng Nai |
| 2 | Trường cao đẳng y tế Đồng Nai | BH | 2010-2011 | | | | | | 100 | Trường trung cấp nghề khu vực Long Thành Nhơn Trạch |
| 3 | Nâng cấp, mở rộng Trường Trung cấp nghề khu vực Long Thành - Nhơn Trạch | LT | 2010-2012 | 31.239 m2 | 16.000 | 16.000 | 15.900 | | 200 | Tỉnh Đoàn Đồng Nai |
| 4 | Trường Trung cấp nghề 26/3 | LT | 2011-2012 | | 25.000 | 25.000 | 24.800 | | 200 | Trường Đại học Đồng Nai |
| 5 | Xây dựng trường trường và cải tạo sân thể dục thể thao Trường cao đẳng sư phạm Đồng Nai | BH | 2011-2012 | | 11.000 | 11.800 | 6.846 | 4.754 | 200 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 6 | Trường DTNT huyện Xuân Lộc | XL | 2011-2013 | 500 | 25.000 | 26.500 | 24.800 | 1.500 | 200 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 7 | Trường THPT huyện Xuân Lộc | XL | 2011-2013 | 13P | 9.000 | 9.000 | 8.800 | | 200 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 8 | Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện VC | VC | 2011-2013 | 1350 | 15.000 | 16.000 | 15.800 | 2.000 | 200 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 9 | Trường THPT Tam Phước | LT | 2011-2013 | 1800 | 20.000 | 22.500 | 20.800 | 1.500 | 200 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| | | | | | 68.500 | 65.312 | 61.712 | 1.000 | 2.600 | - |
| b | Công trình khởi công mới | | | | 7.000 | 7.000 | 6.500 | | 500 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 1 | Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh | BH | 2012-2013 | 24P | 7.000 | 7.000 | 6.500 | | 500 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 2 | Trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp tổng hợp Long Thành | LT | 2012-2013 | 800 | 8.000 | 10.000 | 9.500 | | 500 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 3 | Trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp tổng hợp Định Quán | ĐQ | 2012-2013 | 1400 | 8.000 | 9.000 | 8.500 | | 500 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 4 | Trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp tổng hợp Nhơn Trạch | NT | 2012-2013 | 1300 | 10.000 | 6.500 | 6.000 | | 200 | Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh |
| 5 | Xây dựng Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh | BH | 2012-2013 | | 17.900 | 16.212 | 15.012 | 1.000 | 100 | Trung cấp văn hoá nghệ thuật Đồng Nai |
| 6 | Ký túc xá trường Trung cấp văn hoá nghệ thuật Đồng Nai | BH | 2012 | | 4.600 | 4.600 | 4.500 | | 100 | Trường THPT Ngô Quyền |
| 7 | Sửa chữa trường THPT Ngô Quyền | BH | 2012 | | 3.400 | 3.400 | 3.300 | | 100 | Trường cao đẳng nghề Đồng Nai |
| 8 | Sửa chữa khối lớp học (3 tầng) 24 phòng trường cao đẳng nghề Đồng Nai | BH | 2012 | | 4.000 | 4.000 | 3.900 | | 100 | Trường trung cấp kỹ thuật công nghiệp Đồng Nai |
| 9 | Sửa chữa trường trung cấp kỹ thuật công nghiệp Đồng Nai | BH | 2012 | | 5.600 | 4.600 | 4.500 | | 500 | - |
| | | | | | 14.000 | 14.000 | 4.000 | 9.500 | 500 | - |
| III | Y tế | | | | 14.000 | 14.000 | 4.000 | 9.500 | 500 | - |
| | Công trình chuyển tiếp | | | | 14.000 | 14.000 | 4.000 | 9.500 | 500 | Công ty TNHH MTV DVMT đô thị ĐN |
| | Lò đốt rác y tế tại Nghĩa trang thành phố Biên Hòa | BH | 2011-2012 | | 40.000 | 40.400 | 32.200 | 7.600 | 600 | - |
| IV | Văn hóa xã hội | | | | 25.800 | 25.800 | 25.500 | 0 | 300 | - |
| | Công trình chuyển tiếp | | | | | | | | | |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|-----------|--|----|-----------|--------------|---------------|---------------|---------------|--------------|------------|---|
| 1 | Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Long Thành | LT | 2011-2013 | | 25.000 | 25.000 | 24.700 | | 300 | UBND huyện Long Thành |
| 2 | Tu bổ, tôn tạo Di tích chùa Long Thiện phường Bửu Hòa (phần còn lại sử dụng vốn XHH và vốn CTMTQG) | BH | 2011-2012 | | 800 | 800 | 800 | | | Ban quản lý di tích và danh thắng |
| | Công trình khởi công mới | | | | 14.200 | 14.600 | 6.700 | 7.600 | 300 | - |
| 1 | Sửa chữa Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi khuyết tật tỉnh | BH | 2.012 | | 1.500 | 4.900 | 4.500 | 300 | 100 | Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi khuyết tật tỉnh |
| 2 | Sửa chữa Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Nai | BH | 2012 | | 3.400 | 2.400 | 2.200 | 100 | 100 | Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật |
| 3 | Trang bị phương tiện phục vụ sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô | BH | 2012 | | 9.300 | 7.300 | | 7.200 | 100 | Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe loại I |
| V | Quản lý nhà nước | | - | | 25.000 | 24.175 | 21.643 | 1.800 | 732 | - |
| a | Công trình chuyển tiếp | | | | 11.000 | 11.000 | 9.000 | 1.800 | 200 | - |
| 1 | Trụ sở làm việc và lưu trữ hồ sơ VP đăng ký sử dụng đất | BH | 2011-2013 | | 11.000 | 11.000 | 9.000 | 1.800 | 200 | VP đăng ký quyền sử dụng đất |
| b | Công trình khởi công mới | | | | 14.000 | 13.175 | 12.643 | 0 | 532 | - |
| 1 | Xây dựng trụ sở phòng công chứng số 3 tỉnh Đồng Nai | LK | 2012 | | 750 | 1.750 | 1.700 | | 50 | Sở Tư Pháp |
| 2 | Trụ sở UBND xã Hiếu Liêm (ngân sách tỉnh thanh toán phần xây lắp; riêng các chi phí khác và chi phí bồi thường cân đối từ ngân sách huyện) | VC | 2012-2013 | | 4.000 | 3.100 | 3.000 | | 100 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 3 | Sửa chữa trụ sở Sở Ngoại vụ | BH | 2012 | | 1.900 | 1.900 | 1.800 | | 100 | Sở Ngoại vụ |
| 4 | Sửa chữa trụ sở hạt kiểm lâm Định Quán | ĐQ | 2012 | | 750 | 750 | 707 | | 43 | Chi cục kiểm lâm Đồng Nai |
| 5 | Sửa chữa trụ sở hạt kiểm lâm Tân Phú | TP | 2012 | | 800 | 840 | 797 | | 43 | Chi cục kiểm lâm Đồng Nai |
| 6 | Sửa chữa trụ sở hạt kiểm lâm Nhơn Trạch | NT | 2012 | | 1.200 | 1.210 | 1.165 | | 45 | Chi cục kiểm lâm Đồng Nai |
| 7 | Sửa chữa trụ sở hạt kiểm lâm Biên Hoà | BH | 2012 | | 700 | 725 | 674 | | 51 | Chi cục kiểm lâm Đồng Nai |
| 8 | Xây dựng mới nhà làm việc và các công trình phụ trụ Hạt Kiểm lâm Xuân Lộc | XL | 2012-2013 | | 3.900 | 2.900 | 2.800 | | 100 | Chi cục kiểm lâm Đồng Nai |
| VI | Cấp nước | | - | | 35.000 | 28.500 | 27.850 | 0 | 650 | - |
| a | Công trình chuyển tiếp | | | | 35.000 | 26.500 | 25.850 | 0 | 650 | - |
| 1 | Hệ thống cấp nước thị trấn Tân Phú | TP | 2010-2012 | 2500 m3/ngày | 3.000 | 2.400 | 2.350 | | 50 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 2 | Hệ thống cấp nước phường Tân Biên | BH | 2010-2012 | | 2.200 | 1.200 | 1.200 | | | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 3 | Hệ thống cấp nước thị trấn Trang Bom | TB | 2010-2012 | 2000 m3/ngày | 950 | 950 | 950 | | | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 4 | Hệ thống cấp nước phường Trang Dài | BH | 2011-2013 | | 19.850 | 17.850 | 17.350 | | 500 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|-------------|---|----|-----------|---|---------------|---------------|---------------|------------|--------------|---|
| 5 | Hệ thống cấp nước phường Bửu Hoà | TN | 2011-2013 | | 9.000 | 4.100 | 4.000 | | 100 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 6 | Hệ thống cấp nước Hòa An Tân Hạnh | BH | 2008-2012 | | 0 | 2.000 | 2.000 | | | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| VII | Hạ tầng Công Cộng | | - | | 51.000 | 57.163 | 56.106 | | 1.057 | - |
| a | Công trình chuyên tiếp | | - | | 39.200 | 45.531 | 45.131 | | 400 | - |
| 1 | Khu định canh định cư đồng bào dân tộc áp 4, áp 5 xã Lâm Sơn huyện Cẩm Mỹ | CM | 2010-2011 | | 3.000 | 3.000 | 3.000 | | | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 2 | Bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt phường Trảng Dài, Biên Hòa | BH | 2010-2013 | | 8.000 | 8.000 | 8.000 | | | Công ty TNHH MTV DVMT đô thị ĐN |
| 3 | Nhà văn hóa thiếu nhi thị xã Long Khánh | LK | 2010-2012 | | 9.000 | 10.000 | 9.900 | | 100 | UBND thị xã Long Khánh |
| 4 | Thư viện điện tử Tx Long Khánh | LK | 2010-2012 | | 6.600 | 6.600 | 6.500 | | 100 | UBND thị xã Long Khánh |
| 5 | Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Thạnh | TN | 2011-2012 | | 6.000 | 6.000 | 6.000 | | | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 6 | Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Thịnh | TP | 2011-2012 | | 6.600 | 6.600 | 6.400 | | 200 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 7 | Hệ thống thoát nước cho KCN Tân Phú và thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú | BH | 2012-2013 | | 0 | 5.331 | 5.331 | | | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| b | Công trình khơi công mới | | | | 11.800 | 11.632 | 10.975 | | 657 | - |
| 1 | Hệ thống tiêu thoát nước liên xã Đông Hòa, Trung Hòa, Tây Hòa huyện Trảng Bom (hạng mục tuyến cống thoát nước từ Km 0+640 đến km 0+718,5) | TB | 2012 | | 0 | 2.125 | 2.075 | | 50 | UBND huyện Trảng Bom |
| 1 | Xây dựng hệ thống cấp nước tập trung ấp Đồi Riu, xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh | LK | 2012-2013 | | 1.800 | 1.300 | 1.200 | | 100 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 2 | Xây dựng tuyến thoát nước phường Hồ Nai, Biên Hòa | BH | 2012-2013 | | 3.500 | 207 | | | 207 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 3 | Đường vào trạm xử lý nước thải số 1 huyện Nhơn Trạch | NT | 2012-2013 | | 6.500 | 6.500 | 6.300 | | 200 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 3 | Các hạng mục còn lại của dự án khu dân cư đường Đồng Khởi | NT | 2012-2013 | | 0 | 1.500 | 1.400 | | 100 | Công ty cổ phần kinh doanh nhà |
| VIII | Nông - Lâm - Thủy lợi | | - | | 53.000 | 55.688 | 53.608 | 800 | 1.280 | - |
| a | Công trình chuyên tiếp | | | | 46.500 | 49.188 | 47.588 | 800 | 800 | - |
| 1 | Dự án sinh cảnh trong khu sinh thái sinh thái cảnh quan thuộc Trung tâm lâm nghiệp Biên Hòa | BH | 2010-2012 | | 1.000 | 1.000 | 1.000 | | | Trung tâm lâm nghiệp Biên Hòa |
| 2 | Dự án trồng và khôi phục cây gỗ lớn bản địa rừng tại chiến khu Đ giai đoạn 2009-2015 | VC | 2010-2015 | | 5.000 | 5.000 | 5.000 | | | Khu bảo tồn thiên nhiên văn-hóa Đồng Nai |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|-----------|---|----|-----------|---|---------------|---------------|---------------|---------------|--------------|--|
| 3 | Dự án Nạo vét suối Sân Máu (đoạn từ bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 đến cầu Muồng Sao) | BH | 2011-2012 | | 30.000 | 30.000 | 29.500 | | 500 | Ban quản lý dự án NN & PTNT |
| 4 | Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ của Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành | LT | 2011-2013 | | 9.000 | 9.000 | 8.000 | 800 | 200 | Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành |
| 5 | Thoát lũ xã Phước Thái huyện Long Thành | LT | 2011-2012 | | 1.500 | 1.500 | 1.400 | | 100 | UBND huyện Long Thành |
| 6 | Trồng và chăm sóc rừng năm 2012 | | 2.012 | | 0 | 2.688 | 2.688 | | | Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn |
| b | Công trình khởi công mới | | | | 6.500 | 6.500 | 6.020 | | 480 | - |
| 1 | Trụ sở làm việc Trạm thú y thị xã Long Khánh | LK | 2012-2013 | | 2.620 | 2.620 | 2.520 | | 100 | Chi cục thú y |
| 2 | Dự án Vườn ươm thuốc Trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa | BH | 2012-2013 | | 2.680 | 2.680 | 2.500 | | 180 | Trung tâm lâm nghiệp Biên Hòa |
| 3 | Xây dựng đường ranh giới bảo vệ công trình hồ Cầu Mới | LT | 2012 | | 1.200 | 1.200 | 1.000 | | 200 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi |
| IX | An ninh quốc phòng | | | | 42.000 | 42.000 | 39.200 | 2.300 | 500 | - |
| a | Công trình chuyển tiếp | | | | 40.000 | 40.000 | 37.300 | 2.300 | 400 | - |
| 1 | Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy Công an tỉnh | BH | 2010-2013 | | 26.500 | 26.500 | 24.800 | 1.500 | 200 | Công an Tỉnh |
| 2 | Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Xuân Lộc | XL | 2010-2013 | | 9.000 | 9.000 | 8.000 | 800 | 200 | UBND huyện Xuân Lộc |
| 3 | Trụ sở Công an huyện Định Quán (ngân sách tỉnh 50%, ngân sách Bộ Công an 50%) | ĐQ | 2011-2013 | | 4.500 | 4.500 | 4.500 | | | Công an Tỉnh |
| b | Công trình khởi công mới | | | | 2.000 | 2.000 | 1.900 | | 100 | - |
| | Xây dựng tường rào bảo vệ trại tạm giam PC 81B | BH | 2012 | | 2.000 | 2.000 | 1.900 | | 100 | Công an Tỉnh |
| X | Khoa học công nghệ | | | | 79.000 | 79.000 | 34.200 | 43.250 | 1.550 | - |
| a | Công trình chuyển tiếp | | | | 17.700 | 17.700 | 17.500 | | 200 | - |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thông tin quản lý nhân hộ khẩu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006-2010 (giai đoạn 1) | BH | 2010-2012 | | 2.700 | 2.700 | 2.700 | | | Công an tỉnh |
| 2 | Tiểu dự án đường kết nối vào Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học Đồng Nai | CM | 2010-2012 | | 15.000 | 15.000 | 14.800 | | 200 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| b | Công trình khởi công mới | | | | 61.300 | 61.300 | 16.700 | 43.250 | 1.350 | - |
| 1 | Hệ thống chống sét VP KP 1 thị trấn Vĩnh An | VC | 2012 | | 1.000 | 900 | 850 | | 50 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 2 | Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác số hóa tài liệu lưu trữ tại trung tâm lưu trữ tỉnh Đồng Nai | BH | 2012 | | 2.500 | 2.500 | 100 | 2.300 | 100 | Sở Nội Vụ |
| 3 | Dự án Trung tâm đo kiểm tiêu chuẩn đo lường chất lượng | NT | 2012 | | 31.500 | 31.500 | 15.500 | 15.500 | 500 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 4 | Hạ tầng công nghệ thông tin huyện Vĩnh Cửu | VC | 2012 | | 4.300 | 4.300 | 250 | 3.800 | 250 | UBND huyện Vĩnh Cửu |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|----------|---|----|-----------|---|---------------|---------------|---|--------|---------------|---------------------------------------|
| 5 | Nâng cấp hạ tầng CNTT Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo | BH | 2012 | | 1.500 | 2.000 | | 1.900 | 100 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 6 | Hạ tầng công nghệ thông tin Sở Ngoại vụ | BH | 2012 | | 1.500 | 1.500 | | 1.450 | 50 | Sở Ngoại vụ |
| 7 | Dự án đầu tư xây dựng hệ thống chông sét trực tiếp và chông sét lan truyền tại Trụ sở Tỉnh ủy | BH | 2012-2013 | | 890 | 890 | | 850 | 40 | Văn phòng Tỉnh ủy |
| 8 | Dự án giải pháp hội nghị truyền hình trực tuyến của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | BH | 2012-2014 | | 18.110 | 12.210 | | 12.100 | 110 | Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy |
| 11 | Nâng cấp phần mềm đăng ký cấp phép qua mạng Sở Công Thương | BH | 2012-2013 | | 0 | 900 | | 850 | 50 | Sở Công Thương |
| 12 | Cung cấp tài liệu số trực tuyến và xây dựng kho tài liệu số Thư viện tỉnh Đồng Nai | BH | 2012-2013 | | 0 | 4.600 | | 4.500 | 100 | Thư viện tỉnh Đồng Nai |
| B | Chuẩn bị đầu tư | | | | 65.000 | 48.935 | | | 48.935 | |
| 1 | Chi khác và BTGPMB dự án Hồ chứa nước Cầu Dầu | LK | 2012 | | 500 | 250 | | | 250 | Ban quản lý dự án NN & PTNT |
| 2 | Chi khác và BTGPMB dự án Hồ chứa nước Lộc An huyện Long Thành | LT | 2012 | | 500 | 250 | | | 250 | Ban quản lý dự án NN & PTNT |
| 3 | Chi khác và BTGPMB dự án Nâng cấp mở rộng hồ chứa nước Suối Tre, Long Khánh | LK | 2012 | | 500 | 250 | | | 250 | Ban quản lý dự án NN & PTNT |
| 4 | Chi khác và BTGPMB dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát | BH | 2012 | | 500 | 700 | | | 700 | Ban quản lý dự án NN & PTNT |
| 5 | Chi khác và BTGPMB dự án Hồ chứa nước Gia Đức | TN | 2012 | | 500 | 450 | | | 450 | Ban quản lý dự án NN & PTNT |
| 6 | Dự án thoát nước và xử lý nước thải tại thị trấn Vĩnh An huyện Vĩnh Cửu | VC | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 7 | ĐA hệ thống thu gom nước thải giai đoạn 1 công suất 16.000m ³ /ngày huyện Nhơn Trạch | NT | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 8 | ĐA trạm xử lý nước thải giai đoạn 1 công suất 16.000m ³ /ngày huyện Nhơn Trạch | NT | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 9 | Hệ thống thoát nước trung tâm xã Thanh Phú huyện Vĩnh Cửu | VC | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 10 | Chống ngập úng Suối Chùa, Suối Bà Lúa, Suối Cầu Quan | LT | 2012 | | 300 | 300 | | | 300 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 11 | Chi khác và BTGPMB dự án Tuyến thoát nước từ KCN Nhơn Trạch ra rạch Bà Kỳ | NT | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 12 | Tuyến thoát nước đường số 2 từ hương lộ 19 ra rạch lá huyện Nhơn Trạch | NT | 2012 | | 200 | 0 | | | 0 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 13 | Cải tạo mở rộng đoạn công thoát nước từ Công ty Nông sản Đồng Nai băng qua đường Nguyễn Ái Quốc ra suối Sân Máu | BH | 2012 | | 200 | 18 | | | 18 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|----|---|----|-----------|---|--------|-------|---|---|-------|--|
| 14 | Chi khác và BTGPMB dự án Tuyến thoát nước dài cây xanh | NT | 2012 | | 18.500 | 3.000 | | | 3.000 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 15 | Chi khác và BTGPMB dự án nạo vét kênh thoát nước cuối đường số 2 | NT | 2012 | | 1.500 | 500 | | | 500 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 16 | Chi khác và BTGPMB dự án HTTN khu vực Suối Nước trong huyện Long Thành | LT | 2012 | | 500 | 500 | | | 500 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 17 | Chi khác và BTGPMB dự án Tuyến thoát nước từ cầu suối cạn ra rạch cái sinh | LT | 2012 | | 500 | 3.000 | | | 3.000 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 18 | Chi khác và BTGPMB dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa | BH | 2012 | | 1.300 | 1.300 | | | 1.300 | Ban quản lý dự án thoát nước Đồng Nai |
| 19 | Xây dựng mới trụ sở làm việc phân trường II và IV thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú | TP | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú |
| 20 | Trung tâm huấn luyện Quân nhân dự bị động viên của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Bộ chỉ huy quân sự tỉnh |
| 21 | Xây dựng hồ bơi Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Bộ chỉ huy quân sự tỉnh |
| 22 | Điểm đăng ký kiểm dịch động vật huyện Cẩm Mỹ | CM | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Chi cục thú y |
| 23 | Chi khác và BTGPMB dự án Trạm thú y huyện thống nhất | TN | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Chi cục thú y |
| 24 | Dự án tường rào bao quanh 33,255 ha đất của Công an tỉnh tại phường Tân Phong | BH | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | Công an tỉnh |
| 25 | Hệ thống kiểm soát an ninh (KSAN) tại trạm tạm giam Công an tỉnh | BH | 2012 | | 300 | 0 | | | 0 | Công an tỉnh |
| 26 | Tuyến đường vào khu xử lý rác 50ha tại xã Vĩnh Tân Vĩnh Cửu | BH | 2011-2012 | | 0 | 200 | | | 200 | Công ty TNHH MTV DVMT đô thị ĐN |
| 27 | BTGPMB khu xử lý rác 50ha tại xã Vĩnh Tân Vĩnh Cửu | BH | 2011-2012 | | 500 | 0 | | | 0 | Công ty TNHH MTV DVMT đô thị ĐN |
| 28 | Trạm bơm ĐakLua | ĐQ | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi |
| 29 | Chi khác và BTGPMB Dự án Hồ Gia Mãng | XL | 2012 | | 3.000 | 6.878 | | | 6.878 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi |
| 30 | Đầu tư tuyến đường ống chính cấp nước sinh hoạt tại khu vực thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, xã Trị An và khu vực các xã Thạnh Phú, Thiện Tân, Tân Bình, Bình Lợi, Bình Hòa | VC | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Công ty TNHH MTV xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 31 | Hệ thống cấp nước phường Tân Phong | BH | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 32 | Hệ thống cấp nước phường An Bình, Tân Mai, Tân Hiệp, Tam Hiệp | BH | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|----|--|----|------|---|-------|-------|---|---|-------|---|
| 33 | Hệ thống cấp nước xã Long Hưng | LT | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 34 | Tuyến ống cấp nước từ QL51 đến trường sỹ quan lục quân 2 | LT | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 35 | Hệ thống cấp nước TT Long Giao | CM | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 36 | Tuyến ống cấp nước chính khu vực áp ống Hường (phần BTGPMB do ngân sách huyện và vận động nhân dân) | VC | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 37 | Mở rộng nâng cấp công suất nhà máy nước Vĩnh An từ 2000m ³ /ngày lên 4000m ³ /ngày | VC | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 38 | Hệ thống cấp nước phường Long Bình Tân | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 39 | Mở rộng hệ thống cấp nước TT Gia Ray | XL | 2012 | | 300 | 300 | | | 300 | Công ty TNHH MTV xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 40 | Xây dựng tuyến ống cấp nước đến chân hàng rào dự án khu đô thị sinh thái kinh tế mở Long Hưng, Biên Hoà | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Công ty TNHH MTV xây dựng cấp nước Đồng Nai |
| 41 | Cải tạo, sửa chữa đường Hiếu Liêm đoạn từ km4+000 đến km 28+800 | VC | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai |
| 42 | Nâng cấp, mở rộng đường vào di tích Trung ương Cục Miền Nam | VC | 2012 | | 100 | 300 | | | 300 | Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai |
| 43 | Dự án tháp biểu trưng trái dầu 3 cánh | VC | 2012 | | 300 | 300 | | | 300 | Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai |
| 44 | Xây dựng tuyến đường ven vùng bán ngập từ áp 1 đến áp 6 xã mã Đà | VC | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai |
| 45 | Nâng cấp đường nội bộ nối thông các bia, nâng cấp các bia tại di tích Trung ương Cục Miền Nam và đường nội bộ nối thông các bia tại Di tích khu ủy Miền Đông | VC | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai |
| 46 | Dự án xây dựng trạm kiểm lâm Bù Đăng và cải tạo đường vào trạm | VC | 2012 | | 200 | 300 | | | 300 | Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai |
| 47 | Cải tạo, nạo vét hồ Sen và hồ Bà Hào | VC | 2012 | | 1.000 | 1.050 | | | 1.050 | Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai |
| 48 | Xây dựng đường 25C đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 | NT | 2012 | | 300 | 300 | | | 300 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 49 | Xây dựng hệ thống thoát nước ngang đường ĐT 764 tại Km 17+100 | XL | 2012 | | 200 | 85 | | | 85 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 50 | Xử lý chống ngập úng trên ĐT 765 đoạn từ Km 19+300 đến Km 19+750 | CM | 2012 | | 200 | 95 | | | 95 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 51 | Cải tạo nâng cấp hương lộ 10 đoạn từ km 11+744 đến km 19+040 | XL | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|----|--|-------|------|---|-------|-------|---|---|-------|---|
| 52 | Chi khác và BTGPMB Đường Liên cảng tỉnh Đồng Nai | NT | 2012 | | 1.000 | 1.000 | | | 1.000 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 53 | Chi khác và BTGPMB Đường Sông Nhạn Dầu Giây từ hương lộ 10 đến ĐT 769 | CM-TN | 2012 | | 800 | 673 | | | 673 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 54 | Chi khác và BTGPMB Đoạn 3 đường liên huyện Vĩnh Cửu-Trảng Bom | VC-TB | 2012 | | 800 | 300 | | | 300 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 55 | Xây dựng mới tuyến đường nối Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành tới vị trí giao với đường tỉnh 769 | LT-CM | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 56 | Xây dựng mới tuyến đường nối Hương lộ 10 đoạn từ Trung tâm huyện CM đến QL1 | CM-XL | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 57 | Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 | XL | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 58 | Nâng cấp đường ĐT 765 từ Km 10+000 đến Km 28+300 | XL | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai |
| 59 | Nâng cấp đường ĐT 768 từ Km 21+400 đến Km 42+315 | VC | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh |
| 60 | Trụ sở Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh | BH | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | Hội Luật gia tỉnh |
| 61 | Trụ sở Hội Luật gia tỉnh | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Sở Công Thương |
| 62 | Trung tâm thông tin triển lãm và quang trường xanh | BH | 2012 | | 300 | 100 | | | 100 | Sở Lao động thương binh và xã hội |
| 63 | Tu bổ, nâng cấp Nghị trang cán bộ và người có công tỉnh Đồng Nai | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Tỉnh Đoàn Đồng Nai |
| 64 | Nhà văn hóa thanh niên tỉnh Đoàn Đồng Nai | BH | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Trung tâm lâm nghiệp Biên Hòa |
| 65 | Dự án xây dựng phát triển rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan Trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa | BH | 2012 | | 100 | 500 | | | 500 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 66 | Hệ thống cấp nước tập trung xã Thanh Sơn | TP | 2012 | | 0 | 200 | | | 200 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 67 | Hệ thống cấp nước tập trung ấp 1 xã Bình Lộc | TN | 2012 | | 100 | 200 | | | 200 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 68 | Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Phú, Xuân Lộc | TP | 2012 | | 100 | 200 | | | 200 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 69 | Hệ thống cấp nước tập trung xã lộ 25, Thống Nhất | TN | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 70 | Hệ thống cấp nước tập trung xã đôn 61, Trảng Bom | TB | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 71 | Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lộc, huyện Tân Phú | TP | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 72 | Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ | CM | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|----|--|----|------|---|-----|-----|---|---|-----|---|
| 73 | Hệ thống cấp nước tập trung xã Nam Cát Tiên huyện Tân Phú | TP | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 74 | Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Điền | TP | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn |
| 75 | Xây dựng trung tâm đào tạo sát hạch lái xe loại I tại Trang Bom (nguồn vốn đầu tư từ vốn hỗ trợ bồi thường, di dời trung tâm cũ; phần vốn còn lại: ngân sách tỉnh 70%+30% vốn trung tâm) | TB | 2012 | | 100 | 0 | | | 0 | Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe loại I |
| 76 | Sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Thanh tra tỉnh |
| 77 | Sửa chữa trụ sở làm việc Văn phòng Ban chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng tỉnh | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Văn phòng Ban chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng tỉnh |
| 78 | Cải tạo hệ thống chông sét tại trụ sở Tỉnh ủy | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Văn phòng Tỉnh ủy |
| 79 | Đường vào nghĩa trang Campuchia, huyện Cẩm Mỹ | CM | 2012 | | 0 | 200 | | | 200 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 80 | Đường song hành QL56 đoạn qua xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (theo quy hoạch chi tiết trung tâm thị trấn Long Giao) | CM | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 81 | Hồ chứa nước Thoại Hương | CM | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 82 | Thư viện huyện Cẩm Mỹ | CM | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 83 | Kiến cổ hoá Kênh mương đập Cù Nhi | CM | 2012 | | 100 | 200 | | | 200 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 84 | Mở rộng, nâng cấp đường Xuân Đông (Cẩm Mỹ) đi xã Xuân Tâm (huyện Xuân Lộc) | CM | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 85 | Xây dựng mới tuyến đường Long Giao - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ | CM | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 86 | Hệ thống cấp nước tập trung áp 7 xã Phú Tân | ĐQ | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | UBND huyện Định Quán |
| 87 | Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn xã Thanh Sơn tại điểm ngã 3 Cây Sao | ĐQ | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | UBND huyện Định Quán |
| 88 | Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư trung tâm hành chính xã Thanh Sơn | ĐQ | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | UBND huyện Định Quán |
| 89 | Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND huyện Định Quán | ĐQ | 2012 | | 200 | 400 | | | 400 | UBND huyện Định Quán |
| 90 | Nhà thi đấu đa năng huyện Định Quán | ĐQ | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | UBND huyện Định Quán |
| 91 | Trung tâm lưu trữ huyện Định Quán | ĐQ | 2012 | | 100 | 0 | | | 0 | UBND huyện Định Quán |
| 92 | Đường vào khu du lịch Thác Mai (giai đoạn 2) | ĐQ | 2012 | | 200 | 700 | | | 700 | UBND huyện Định Quán |
| 93 | Hồ chứa nước Cà Ròn, Gia canh huyện Định Quán | ĐQ | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | UBND huyện Định Quán |
| 94 | Tiêu nước cánh đồng Bàu Kiên, xã Thanh Sơn, huyện Định Quán | ĐQ | 2012 | | 100 | 500 | | | 500 | UBND huyện Định Quán |
| 95 | Đường Suối Rắc huyện Định Quán | ĐQ | 2012 | | 300 | 564 | | | 564 | UBND huyện Định Quán |

| | | | | | | | | | | |
|-----|---|----|------|--|--------|-------|--|--|-------|-------------------------|
| 96 | Tuyến thoát nước từ KCN Nhơn Trạch 1 ra sông Đổng Môn huyện Nhơn Trạch (BTGPMB sử dụng từ vốn NS huyện và vận động nhân dân) | NT | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 97 | Khu văn hóa thể thao huyện Tân Phú (HM: cổng tường rào sân đường nội bộ, thoát nước toàn khu) | TP | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | UBND huyện Tân Phú |
| 98 | Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà huyện Tân Phú | Tp | 2012 | | 300 | 300 | | | 300 | UBND huyện Tân Phú |
| 99 | BTGPMB Hạ tầng khu TT hành chính huyện TP | TP | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | UBND huyện Tân Phú |
| 100 | Nâng cấp trạm bơm áp 6a, 6b xã Núi tượng huyện Tân Phú (đền bù GPMB và hệ thống kênh mương nội đồng do ngân sách huyện đầu tư và vận động nhân dân) | TP | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | UBND huyện Tân Phú |
| 101 | Xây dựng mới trạm bơm Giang Điền huyện Tân Phú (đền bù GPMB và hệ thống kênh mương nội đồng do ngân sách huyện đầu tư và vận động nhân dân) | TP | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | UBND huyện Tân Phú |
| 102 | Đường Nguyễn Hữu Canh (đoạn song song với Quốc lộ 1 từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Ngã 3 cây gạo) huyện Trảng Bom | TB | 2012 | | 300 | 300 | | | 300 | UBND huyện Trảng Bom |
| 103 | Hệ thống tiêu thoát nước liên xã Đông Hòa, Trung Hòa, Tây Hòa huyện Trảng Bom | TB | 2012 | | 12.000 | 1.000 | | | 1.000 | UBND huyện Trảng Bom |
| 104 | Xây dựng khu dân cư phục vụ tái định cư khu phố 1 (14ha) thị trấn Vĩnh An huyện Vĩnh Cửu | VC | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 105 | Xây dựng Khu tái định cư Vũng Rẻ xã Trị An huyện Vĩnh Cửu | VC | 2012 | | 300 | 300 | | | 300 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 106 | Nạo vét Rạch Mọi xã Bình Hòa huyện Vĩnh Cửu | VC | 2012 | | 100 | 300 | | | 300 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 107 | Sân bóng đá kết hợp sân khấu ngoài trời huyện Vĩnh Cửu | VC | 2012 | | 500 | 100 | | | 100 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 108 | Nâng cấp mở rộng đường ĐT 767 và cầu Vĩnh An đoạn qua TT thị trấn Vĩnh An | VC | 2012 | | 500 | 100 | | | 100 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 109 | Nạo vét Suối Sầu huyện Vĩnh Cửu | VC | 2012 | | 400 | 100 | | | 100 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 110 | Hạ tầng khu trung tâm văn hóa H Vĩnh Cửu | VC | 2012 | | 300 | 300 | | | 300 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 111 | Tiêu dự án bồi thường GPMB dự án BOT đường 768 | VC | 2012 | | 500 | 1.136 | | | 1.136 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 112 | Đường Đặng Văn Tron. thành phố Biên Hòa | BH | 2012 | | 0 | 200 | | | 200 | UBND thành phố Biên Hòa |
| 113 | Nâng cấp, cải tạo trụ sở thành ủy Biên Hòa | BH | 2012 | | 0 | 200 | | | 200 | UBND thành phố Biên Hòa |
| 114 | Đường trục trung tâm ngã 3 Vườn Mít - Sông Cái | BH | 2012 | | 500 | 100 | | | 100 | UBND thành phố Biên Hòa |
| 115 | Tiêu dự án bồi thường GPMB dự án cầu Hóa An | BH | 2012 | | 500 | 500 | | | 500 | UBND thành phố Biên Hòa |
| 116 | Nút giao thông Vườn Mít | BH | 2012 | | 500 | 100 | | | 100 | UBND thành phố Biên Hòa |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|-----|--|----|------|---|--------------|--------------|---|---|--------------|--------------------------------|
| 117 | Tuyến kênh dẫn nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Xuân Lộc | XL | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | UBND huyện Xuân Lộc |
| 118 | Dự án thoát lũ xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh (đền bù GPMB và hệ thống kênh mương nội đồng do ngân sách huyện đầu tư và vận động nhân dân) | LK | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | UBND thị xã Long Khánh |
| 119 | Cải tạo nâng cấp tuyến đường Hùng Vương | LK | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | UBND thị xã Long Khánh |
| 120 | Đường Ruộng Tre Xuân Bắc | LK | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | UBND thị xã Long Khánh |
| 121 | Làm mới tuyến đường Cách mạng tháng 8 nối dài | LK | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | UBND thị xã Long Khánh |
| 122 | Thoát lũ xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh | LK | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | UBND thị xã Long Khánh |
| 123 | Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cài, thị xã Long Khánh | LK | 2012 | | 600 | 600 | | | 600 | UBND thị xã Long Khánh |
| 124 | Xây dựng cơ sở hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Choro xã Bảo Vinh, Long Khánh | LK | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | UBND thị xã Long Khánh |
| 125 | Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong, Long Khánh | LK | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | UBND thị xã Long Khánh |
| 126 | Xây dựng công viên cây xanh giữa quốc lộ 1 và đường Nguyễn Văn Bê thị xã Long Khánh | LK | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | UBND thị xã Long Khánh |
| | Các dự án thuộc ngành giáo dục và đào tạo | | | | 2.000 | 6.236 | | | 6.236 | |
| 127 | Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh | | | | 0 | 400 | | | 400 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 127 | Trường THPT Xuân Thanh | TN | 2012 | | 200 | 4.036 | | | 4.036 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 128 | Sửa chữa Trường THPT Long Thành | LT | 2012 | | 200 | 400 | | | 400 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 129 | Trường THPT Chu Văn An | BH | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 130 | Hàng rào trường PTDT nội trú Tỉnh | XL | 2012 | | 200 | 200 | | | 200 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 131 | 8 phòng học Trường THPT Nguyễn Trãi | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 132 | Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục trường Chính trị tỉnh | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Trường chính trị tỉnh Đồng Nai |
| 133 | Trường THPT Cẩm Mỹ | CM | 2012 | | 500 | 800 | | | 800 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 134 | Trường THPT Nhơn Trạch | NT | 2012 | | 500 | 0 | | | 0 | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| | Các dự án thuộc ngành khoa học và công nghệ | | | | 2.000 | 2.000 | | | 2.000 | |
| 135 | Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trụ sở khối nhà nước | BH | 2012 | | 200 | 100 | | | 100 | Văn phòng UBND tỉnh |
| 136 | Đầu tư hạ tầng kỹ thuật trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai | CM | 2012 | | 500 | 800 | | | 800 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 137 | Dự án hệ thống cây xanh dọc theo 2 bên và dãy phân cách của tiểu dự án đường kết nối Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học | CM | 2012 | | 400 | 400 | | | 400 | Sở Khoa học và Công nghệ |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|-----|---|----|------|---|---------------|---------------|---------------|---|-----|--|
| 138 | Dự án trung tâm chiếu xạ, huyện Cẩm Mỹ | CM | 2012 | | 400 | 100 | | | 100 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 139 | Đập dâng Suối Cà và hệ thống xử lý nước | CM | 2012 | | 500 | 500 | | | 500 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 140 | Dự án đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh | CM | 2012 | | 0 | 100 | | | 100 | Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh |
| C | Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch | | | | 20.000 | 20.000 | 20.000 | | | |



Phụ lục

BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2012 NGUỒN VỐN XÒ SỔ KIẾN THIẾT

(kèm theo Tờ trình số 4291 /UBND-CNN ngày 15/6/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Tiến độ thực hiện | Năng lực thiết kế | Kế hoạch 2012 | Điều chỉnh Kế hoạch năm 2012 | | | | Chủ đầu tư |
|-----|--|-------------------|-------------------|-------------------|---------------|------------------------------|----------|------------------|--------|----------------------------|
| | | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Xây lắp | Thiết bị | Chi khác, BTGPMB | | |
| I | Tổng số | | | | 832.886 | 832.886 | 523.966 | 295.451 | 13.469 | |
| A | Thực hiện dự án | | | | 824.386 | 830.550 | 523.966 | 295.451 | 11.133 | |
| I | Y tế | | - | | 585.951 | 579.482 | 329.581 | 219.516 | 7.585 | |
| a | Công trình chuyển tiếp | | - | | 296.000 | 579.482 | 209.649 | 127.536 | 3.900 | |
| 1 | Cải tạo bệnh viện Đa Liễu (chưa kể vốn chương trình mục tiêu quốc gia) | BH | 2010-2012 | | 15.500 | 19.800 | 11.300 | 7.800 | 700 | Sở Y Tế |
| 2 | Cải tạo nâng cấp BVĐK huyện Xuân Lộc | XL | 2010-2012 | 150 giường | 48.000 | 56.000 | 33.000 | 22.500 | 500 | Sở Y Tế |
| 3 | Bệnh viện đa khoa huyện Trảng Bom (chưa kể vốn trái phiếu Chính Phủ) | TB | 2010-2012 | 100 giường | 35.000 | 35.000 | 10.000 | 24.500 | 500 | Sở Y Tế |
| 4 | Trung tâm phòng chống HIV/AIDS (chưa bao gồm vốn TW hỗ trợ) | BH | 2010-2012 | | 16.000 | 17.631 | 13.631 | 3.900 | 100 | Sở Y Tế |
| 5 | Cải tạo nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Cửu (chưa kể vốn trái phiếu Chính Phủ) | VC | 2009-2012 | 100 giường | 16.000 | 32.336 | 20.000 | 11.836 | 500 | Sở Y Tế |
| 6 | Nâng cấp bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành (chưa kể vốn trái phiếu Chính Phủ) | LT | 2009-2012 | 350 giường | 32.000 | 25.536 | 10.536 | 14.500 | 500 | Sở Y Tế |
| 7 | Bệnh viện đa khoa H Thống Nhất (tên mới là BV ĐK Dầu Giây) | TN | 2009-2012 | 100 giường | 13.500 | 16.984 | 16.384 | | 600 | Sở Y Tế |
| 8 | Xây dựng Bệnh viện đa khoa Đồng Nai (chưa kể nguồn vốn TPCP) | BH | 2010-2013 | 700 giường | 120.000 | 137.798 | 94.798 | 42.500 | 500 | Bệnh viện đa khoa Đồng Nai |
| 9 | Bệnh viện y học cổ truyền | BH | 2009-2012 | | 0 | 3.934 | 3.900 | | 34 | Sở Y Tế |
| 10 | Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Phú (Định Quán) | XL | 2010-2012 | 150 giường | 7.200 | 7.200 | 5.000 | 2.000 | 200 | Sở Y Tế |
| 11 | Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Mỹ | TB | 2010-2012 | 100 giường | 10.000 | 5.300 | 3.000 | 2.000 | 300 | Sở Y Tế |
| 12 | Trung tâm Y tế dự phòng huyện Cẩm Mỹ | VC | 2009-2012 | 100 giường | 600 | 115 | 115 | | | Sở Y Tế |
| 13 | Trung tâm Y tế dự phòng huyện Thống Nhất | TN | 2009-2012 | 100 giường | 700 | 111 | 111 | | | Sở Y Tế |
| 14 | Trung tâm Y tế dự phòng huyện Xuân Lộc | BH | 2010-2013 | 700 giường | 800 | 168 | 168 | | | Sở Y Tế |
| 15 | Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Hưng | XL | 2010-2012 | | 1.000 | 368 | 368 | | | Sở Y Tế |
| 16 | Phòng khám đa khoa khu vực Phú Lý | VC | 2010-2012 | | 1.500 | 4.050 | 4.050 | | | Sở Y Tế |
| b | Khởi công mới | | | | 244.151 | 194.351 | 103.220 | 87.980 | 3.151 | |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|-----------|--|-----|-----------|------------|----------------|----------------|----------------|---------------|--------------|--|
| 1 | Hệ thống điều hoà trung tâm thông khí áp lực dương cho Bệnh viện đa khoa Thống Nhất | BH | 2012 | | 6.600 | 6.600 | | 6.500 | 100 | Bệnh viện đa khoa Thống Nhất |
| 2 | Dự án bổ sung thiết bị bệnh viện đa khoa đồng Nai | BH | 2012 | | 9.100 | 9.100 | | 8.900 | 200 | Bệnh viện đa khoa Đồng Nai |
| 3 | Bệnh viện đa khoa khu vực Xuân Lộc (năm 2012 chuyển khai hạng mục khôi nhà điều trị 7 tầng và các thiết bị kèm theo xây lắp) | I.K | 2012-2015 | 450 giường | 76.000 | 32.200 | 31.200 | | 1.000 | Sở Y Tế |
| 4 | Xây dựng trạm y tế xã Xuân Thành, Xuân Lộc | XL | 2012-2013 | 5 giường | 6.100 | 6.100 | 4.900 | 1.150 | 50 | Sở Y Tế |
| 5 | Xây dựng trạm y tế xã Lộc An, Long Thành | LT | 2012-2013 | 5 giường | 6.100 | 6.100 | 5.050 | 1.000 | 50 | Sở Y Tế |
| 6 | Xây dựng trạm y tế xã Xuân Lập, Long Khánh | LK | 2012-2013 | 5 giường | 6.600 | 6.600 | 5.550 | 1.000 | 50 | Sở Y Tế |
| 7 | Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải 6 bệnh viện trên địa bàn tỉnh | | 2012-2013 | | 69.651 | 69.651 | 7.500 | 61.000 | 1.151 | Sở Y Tế |
| 8 | Xây dựng trạm y tế xã Phú Xuân (xã diêm nông thôn mới) | TP | 2012-2013 | 5 giường | 6.000 | 6.000 | 4.750 | 1.200 | 50 | Sở Y Tế |
| 9 | Xây dựng trạm y tế xã Xuân Phú (xã diêm nông thôn mới) | TP | 2012-2013 | 5 giường | 6.000 | 6.000 | 4.950 | 1.000 | 50 | Sở Y Tế |
| 10 | Xây dựng trạm Y tế xã đôi 61 huyện Trảng Bom (xã diêm nông thôn mới) | TB | 2012-2013 | 5 giường | 6.000 | 6.000 | 4.950 | 1.000 | 50 | Sở Y Tế |
| 11 | Trạm y tế phường Tam Hiệp, Biên Hoà | BH | 2012-2013 | 5 giường | 4.000 | 4.000 | 3.300 | 650 | 50 | Sở Y Tế |
| 12 | Trạm y tế thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú | TP | 2012-2013 | 5 giường | 6.000 | 6.000 | 4.370 | 1.580 | 50 | Sở Y Tế |
| 13 | Xây dựng Trung tâm Y tế dự phòng huyện Tân Phú | TP | 2012-2014 | 10 giường | 12.000 | 10.000 | 8900 | 1.000 | 100 | Sở Y Tế |
| 14 | Xây dựng Trung tâm Y tế dự phòng huyện Nhơn Trạch | NT | 2012-2014 | 10 giường | 12.000 | 10.000 | 8900 | 1.000 | 100 | Sở Y Tế |
| 15 | Xây dựng Trung tâm Y tế dự phòng huyện Trảng Bom | TB | 2012-2014 | 10 giường | 12.000 | 10.000 | 8900 | 1.000 | 100 | Sở Y Tế |
| 16 | Trạm y tế xã Ngọc Đình huyện Định Quán | ĐQ | 2012-2014 | 5 giường | 6.000 | 6.000 | 4.500 | 1.300 | 200 | Sở Y Tế |
| 17 | Trạm y tế xã Bình An huyện Long Thành | LT | 2012-2014 | 5 giường | 6.000 | 6.000 | 4.800 | 1.000 | 200 | Sở Y Tế |
| 18 | Trạm y tế xã An Viễn huyện Trảng Bom | TB | 2012-2014 | 5 giường | 6.000 | 6.000 | 5.000 | 800 | 200 | Sở Y Tế |
| 19 | Trạm y tế phường Quyết Thắng, Biên Hoà | BH | 2012-2014 | 5 giường | 6.000 | 4.800 | 3.400 | 1.300 | 100 | Sở Y Tế |
| | | | | | 158.435 | 171.068 | 149.935 | 18.535 | 2.598 | |
| II | Văn hóa xã hội | | | | | 17.100 | 18.835 | 18.835 | 335 | 300 |
| a | Công trình chuyển tiếp | | | | | | | | | |
| 1 | Cải tạo nâng cấp trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Đồng Nai | XL | 2010-2012 | | 11.100 | 11.100 | 10.900 | | 200 | Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội tỉnh Đồng Nai |
| 2 | Sửa chữa một số hạng mục tại khu di tích Trung ương Cục | VC | 2010-2012 | | 1.000 | 2.735 | 2.600 | 35 | 100 | Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai |
| 3 | Mộ Cự Thạch Hàng Gòn (phần còn lại sử dụng vốn CT MTQG) | LK | 2010-2012 | | 5.000 | 5.000 | 5.000 | | | Ban quản lý di tích và danh thắng |

| | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|-----------|---|----|-----------|----------|----------------|----------------|----------------|--------------|--------------|---|
| | Khu nhà ở, nhà ăn vận động viên năng khiếu | BH | 2011-2012 | | 7.500 | 7.500 | 6.000 | 1.500 | | Trường phổ thông năng khiếu tỉnh Đồng Nai |
| | Trung tâm dạy nghề huyện Cẩm Mỹ | CM | 2010-2012 | | 13.200 | 21.000 | 10.400 | 10.400 | 200 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| | Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ tỉnh giai đoạn 2 | BH | 2010-2012 | | 635 | 635 | 635 | | | Sở Lao động Thương binh và xã hội |
| | Công trình khởi công mới 2012 | | | | 120.000 | 123.098 | 114.400 | 6.600 | 2.098 | |
| | Sửa chữa, cải tạo hồ bơi cầu lac bộ Sông Phố | BH | 2012-2013 | | 4.400 | 5.400 | 2.700 | 2.600 | 100 | Sở Văn hoá thể thao và du lịch |
| | Thư viện huyện Thống Nhất | TN | 2012-2013 | 1,225 m2 | 6.000 | 6.000 | 4.900 | 1.000 | 100 | UBND huyện Thống Nhất |
| | Trung tâm thể dục thể thao huyện Thống Nhất | TN | 2012-2014 | | 27.600 | 27.600 | 26.800 | | 800 | UBND huyện Thống Nhất |
| | Nhà thi đấu kết hợp với biểu diễn triển lãm - thuộc khu QH TTVHTT -TTVA | VC | 2012-2013 | 2778m2 | 11.150 | 11.150 | 10.100 | 1.000 | 50 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| | Nhà thi đấu đa năng huyện Tân Phú | TP | 2011-2014 | 4.070 m2 | 14.000 | 14.000 | 12.800 | 1.000 | 200 | UBND huyện Tân Phú |
| | Nhà thi đấu đa năng huyện Xuân Lộc | XL | 2011-2014 | 3.274 m2 | 13.000 | 13.000 | 11.800 | 1.000 | 200 | UBND huyện Xuân Lộc |
| | Trung tâm kỹ thuật phát thanh truyền hình Đồng Nai | BH | 2012-2015 | | 43.000 | 43.000 | 42.500 | | 500 | Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai |
| | Nâng cấp sửa chữa Đoàn ca múa kịch Đồng Nai | BH | 2012 | | 850 | 1.448 | 1.400 | | 48 | Đoàn ca múa kịch Đồng Nai |
| | Nâng cấp, mở rộng đường di tích Trung ương cục Miền Nam | BH | 2012 | | 0 | 1.500 | 1.400 | | 100 | Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai |
| II | Giáo dục Đào tạo | | | | 80.000 | 80.000 | 26.750 | | 250 | |
| | Công trình khởi công mới | | | | 80.000 | 80.000 | 26.750 | | 250 | |
| 1 | Đầu tư một số hạng mục trường Đại học Đồng Nai (năm 2012 đầu tư hạng mục Trung tâm thư viện và thông tin 6 tầng) | BH | 2012-2015 | | 16.150 | 16.150 | 13.050 | 3.000 | 100 | Trường Đại học Đồng Nai |
| 2 | Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Nhơn Trạch (năm 2012 đầu tư xây dựng hạng mục khối lớp học 4 tầng và các hạng mục kèm theo) | NT | 2012-2013 | | 13.000 | 13.000 | 12.900 | | 100 | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 3 | Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét trường Trung cấp văn hoá nghệ thuật Đồng Nai | BH | 2012 | | 850 | 850 | 800 | | 50 | Trung cấp văn hoá nghệ thuật Đồng Nai |
| 4 | Dự án đầu tư phòng học bộ môn ngoại ngữ nhằm phục vụ dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012-2015 | | 2012-2013 | | 50.000 | 50.000 | | 50.000 | | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| B | Chuẩn bị đầu tư | | | | 8.500 | 2.336 | 0 | 0 | 2.336 | |
| I | Trung tâm bảo vệ sức khỏe và môi trường | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Sở Y Tế |
| 2 | Trung tâm y tế dự phòng Biên Hoà | BH | 2012 | | 2.400 | 100 | | | 100 | Sở Y Tế |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|---|--|----|------|---|-------|-------|---|---|-------|-----------------------------------|
| 3 | Trung tâm y tế dự phòng Vĩnh Cửu | VC | 2012 | | 4.800 | 0 | | | - | Sở Y Tế |
| 4 | BTGPMB Bệnh viện đa khoa huyện Tân Phú | | | | 0 | 536 | | | 536 | Sở Y Tế |
| 5 | Xây dựng Khoa Sơ sinh và Khoa Nhiễm, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục tại Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai (vốn ngân sách tỉnh + vốn trái phiếu chính phủ) | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Sở Y Tế |
| 6 | Đầu tư mở rộng trường Cao đẳng y tế gd2 | BH | 2012 | | 100 | 100 | | | 100 | Trường Cao đẳng y tế Đồng nai |
| 7 | Trường thực hành thuộc trường Đại học Đồng Nai | BH | 2012 | | 1.000 | 1.000 | | | 1.000 | Trường Đại học Đồng Nai |
| 8 | Tu bổ, tôn tạo Nhà Lao Tân Hiệp | | | | 0 | 200 | | | 200 | Ban quản lý di tích và danh thắng |
| 9 | Tu bổ, tôn tạo thành Biên Hòa | | | | 0 | 200 | | | 200 | Ban quản lý di tích và danh thắng |

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 4816/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 7 năm 2012

| | |
|--------------------|----------|
| UBND TỈNH ĐỒNG NAI | |
| VĂN | 1069 B |
| ĐẾN | 3/7/2012 |

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung dự toán thu ngân sách cấp tỉnh - dự toán chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2012 từ nguồn tạm ứng vốn Kho bạc Nhà nước; Báo cáo bổ sung tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 06 tháng đầu năm 2012, điều chỉnh kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Công văn số 7823/BTC-KBNN ngày 12/6/2012 của Bộ Tài chính về việc tạm ứng vốn Kho bạc Nhà nước;

Tiếp theo Tờ trình số 4291/TTr-UBND ngày 15/6/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 6 tháng đầu năm 2012; điều chỉnh kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012;

UBND tỉnh báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VIII - kỳ họp thứ 4 một số nội dung sau đây:

I. Bổ sung dự toán thu ngân sách cấp tỉnh - dự toán chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2012 từ nguồn tạm ứng vốn Kho bạc Nhà nước:

1. Về nguyên tắc phân bổ nguồn vốn:

Theo Công văn số 7823/BTC-KBNN ngày 12/6/2012 của Bộ Tài chính, tỉnh Đồng Nai được tạm ứng vốn Kho bạc Nhà nước 300 tỷ đồng, thời gian hoàn trả là 12 tháng; kể từ ngày tạm ứng, để thực hiện đền bù, giải tỏa cho các dự án cấp thiết trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Về nội dung phân bổ:

- | | |
|--|--------------|
| a) Bổ sung dự toán thu ngân sách cấp tỉnh: | 300 tỷ đồng. |
| - Bổ sung từ nguồn tạm ứng vốn Kho bạc Nhà nước: | 300 tỷ đồng. |
| b) Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương: | 300 tỷ đồng. |

(Phụ lục chi tiết đính kèm).

II. Báo cáo bổ sung về nguồn vốn thường thu vượt ngân sách năm 2011:
Phần vốn ngân sách tỉnh được thưởng phân bổ cho đầu tư và xây dựng là 113,681 tỷ đồng gồm:

1. Hỗ trợ vốn các dự án đã có chủ trương hỗ trợ của UBND tỉnh là 10 tỷ đồng, tập trung cho 02 dự án sau đây:

- Đường vào Khu công nghiệp Long Đức do UBND huyện Long Thành làm chủ đầu tư 07 tỷ đồng.

- Tuyến thoát nước KCN Bàu Xéo huyện Trảng Bom là 03 tỷ đồng (chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Thống Nhất).

2. Phần còn lại là 103,681 tỷ đồng phân bổ vốn hỗ trợ cho các địa phương để đầu tư theo nội dung của Tờ trình số 4291/TTr-UBND ngày 15/6/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai.

III. Điều chỉnh nội dung điểm 2.1, Mục I Tờ trình số 4291/TTr-UBND ngày 15/6/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai như sau: “Bổ sung nguồn vốn cấp sau quyết toán năm 2012 là 17,684 tỷ đồng từ các nguồn vốn cấp phát còn thừa của nguồn vốn đầu tư và xây dựng năm 2011” thành “Bổ sung nguồn vốn cấp sau quyết toán năm 2012 là 17,684 tỷ đồng từ nguồn chuyển nguồn đầu tư xây dựng năm 2011”.

Trên đây là nội dung về bổ sung dự toán thu ngân sách cấp tỉnh - dự toán chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2012 từ nguồn tạm ứng vốn Kho bạc Nhà nước; Báo cáo bổ sung tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng 06 tháng đầu năm 2012, điều chỉnh kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012, UBND tỉnh Đồng Nai kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VIII - kỳ họp thứ 4 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
 - Các Đại biểu HĐND tỉnh;
 - Văn phòng Tỉnh ủy;
 - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
 - Sở Tài chính;
 - Sở Kế hoạch Đầu tư;
 - Chánh, Phó văn phòng;
 - Lưu VT, TH, KT, CNN.
- @DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Minh Phúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2012 NGUỒN VỐN TẠM ỨNG KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2012
(Kèm theo Tờ trình số 4816/TTr-UBND ngày 03/7/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch năm 2012 | | | Chủ đầu tư |
|----------|--|-------------------|-------------------|---------------|----------------|--|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Xây lắp | BTGPMB | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | Tổng số | | 300.000 | 30.000 | 270.000 | |
| A | Thực hiện dự án | | 30.000 | 30.000 | 0 | |
| | Hạ tầng công cộng | | 30.000 | 30.000 | 0 | |
| | Dự án hạ tầng khu tái định cư dự án Quốc lộ I (đoạn tránh thành phố Biên Hoà) tại xã Phước Tân | LT | 30.000 | 30.000 | - | Công ty cổ phần đầu tư Đồng Thuận |
| B | Chuẩn bị đầu tư | | 270.000 | | 270.000 | |
| 1 | BTGPMB Dự án hồ chứa nước chống lũ Lộc An | LT | 67.800 | | 67.800 | Ban QLDA Nông nghiệp Phát triển Nông thôn |
| 2 | BTGPMB Dự án xây dựng khu xử lý chất thải Quang Trung | | 64.000 | | 64.000 | Công ty cổ phần dịch vụ Sonaadezi |
| 3 | BTGPMB Dự án Trung đoàn cảnh sát cơ động Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao | BH | 65.000 | | 65.000 | Công an tỉnh |
| 4 | BTGPMB Dự án hồ chứa nước Gia Măng | XL | 36.200 | | 36.200 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi |
| 5 | BTGPMB Dự án hạ tầng khu tái định cư dự án Quốc lộ IA (đoạn tránh thành phố Biên Hoà) tại xã Bình Minh | TB | 30.000 | | 30.000 | Công ty cổ phần đầu tư Đồng Thuận |
| 6 | Dự án xây dựng cầu Hoá An, thành phố Biên Hoà (tiểu dự án BTGPMB) | BH | 7.000 | | 7.000 | UBND thành phố Biên Hoà |